

QUAN HỆ GIỮA XÃ HỘI VÀ MÔI TRƯỜNG TRONG QUÁ TRÌNH PHÁT TRIỂN

HÀ HUY THÀNH
LÊ CAO ĐOÀN

1. Bản chất của mối quan hệ giữa xã hội và môi trường: triết lý tổng quát

Như chúng ta đã biết, quá trình tiến hóa của tự nhiên đã dẫn tới sự xuất hiện con người. Con người bước vào lịch sử của mình bằng hoạt động lao động sản xuất ra của cải vật chất và trên cơ sở của hoạt động sản xuất ra của cải vật chất đó, con người tự tổ chức thành xã hội loài người. Vậy là, xã hội loài người đã hình thành trong tiến trình tiến hóa của thế giới vật chất và là *một dạng tổ chức đặc thù của thế giới vật chất đó*.

Là sản phẩm của sự tiến hóa của thế giới vật chất và là một hình thái tổ chức đặc thù của thế giới vật chất, xã hội tồn tại và vận động trong thế giới tự nhiên. Mối quan hệ giữa con người và xã hội loài người với giới tự nhiên do vậy là nền tảng của sự tồn tại và phát triển của xã hội loài người.

K. Marx đã chỉ ra rằng, có ba yếu tố quyết định sự tồn tại và phát triển của xã hội loài người: hoàn cảnh địa lý, dân số và phương thức sản xuất. Trong điều kiện hiện đại, ba nhân tố này có thể được xem là các nhân tố môi trường tự nhiên, xã hội và kinh tế.

Môi trường là khái niệm dùng để chỉ tổng thể các yếu tố vật chất tự nhiên và nhân tạo bao quanh con người, có quan hệ mật thiết đến sinh hoạt sống và phát triển của con người và xã hội loài người. Khái niệm môi trường ở đây không phải là thế giới tự nhiên nói chung, bất kỳ mà là thế giới tự nhiên đặt trong mối quan hệ mật thiết với sinh hoạt sống và phát triển của con người và xã hội loài người.

Để hiểu sâu sắc vai trò to lớn của môi trường thiên nhiên và bản chất của mối quan hệ giữa con người, xã hội loài người và môi trường, chúng ta cần phân tích bản chất hình thái đặc thù của thế giới vật chất là xã hội loài người. Để hiểu bản chất của xã hội, chúng ta tiếp cận từ khía cạnh phương thức sản xuất.

Phương thức sản xuất là cách thức con người tiến hành sản xuất và tái sản xuất ra của cải. Đó là sự thống nhất của quan hệ sản xuất và lực lượng sản xuất.

10 Quan hệ giữa xã hội và môi trường trong quá trình phát triển

Lực lượng sản xuất là toàn bộ năng lực thực tiễn của nền sản xuất xã hội trong việc sản xuất ra của cải vật chất. Nó cấu thành nội dung vật chất của quá trình sản xuất và thể hiện ra mối quan hệ giữa con người và thiên nhiên. Để hiểu thực chất mối quan hệ giữa con người và tự nhiên, chúng ta hãy xét quá trình sản xuất ở khía cạnh lực lượng sản xuất. Quá trình sản xuất gồm ba yếu tố giản đơn: lao động, đối tượng lao động và tư liệu lao động.

Quá trình lao động sản xuất là quá trình con người tác động vào tự nhiên, biến đổi một số thành tố tự nhiên thành những giá trị sử dụng thích hợp với nhu cầu của mình. *Đó là sự lưu thông vật chất giữa người và tự nhiên là mối quan hệ giữa người và tự nhiên.* Trong quá trình này đã diễn ra cùng một lúc ba nội dung:

Một là, tạo ra nguồn của cải, những tư liệu sinh hoạt cho việc duy trì và đáp ứng các nhu cầu vật chất của đời sống con người.

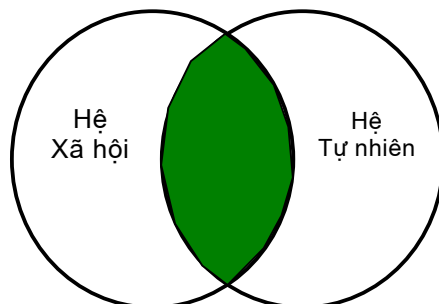
Hai là, là quá trình khám phá những quy luật của tự nhiên và ứng dụng những quy luật đó vào việc chế tạo ra công cụ lao động, thay đổi kỹ thuật và công nghệ sản xuất.

Ba là, sự hoàn thiện chính ngay bản thân con người, với tính cách là chủ thể của quá trình lao động sản xuất.

Tổng hợp lại, quá trình lao động sản xuất được K. Marx chỉ ra rằng: “quá trình lao động, như chúng ta đã hình dung nó trong những yếu tố giản đơn và trừu tượng của nó, là một hoạt động có mục đích nhằm tạo ra những giá trị sử dụng, là *sự chiếm đoạt những cái có sẵn trong thiên nhiên để thỏa mãn những nhu cầu của con người, là điều kiện chung của sự trao đổi giữa người và tự nhiên, là điều kiện tự nhiên và vĩnh cửu của con người*”.

Trong vòng tuần hoàn vật chất giữa con người và tự nhiên trên toàn bộ quá trình sản xuất: khai thác, sử dụng các nguồn lực của tự nhiên- chế biến tạo ra sản phẩm - tiêu dùng, tiêu dùng cho cá nhân và tiêu dùng cho sản xuất, có một khâu quan trọng là phế thải, phế thải của sản xuất và phế thải của quá trình tiêu dùng của cá nhân con người và của xã hội. Những phế thải này cố nhiên không nằm ngoài vòng tuần hoàn vật chất giữa con người và tự nhiên. Có điều những phế thải này hoặc có sự chu chuyển chậm hơn tốc độ thải loại, hoặc là có một bộ phận có hạn không hội nhập vào quá trình tuần hoàn liên tục giữa con người và tự nhiên, chúng cản trở sự tuần hoàn giữa con người và tự nhiên. Những vật chất này không có lợi cho một tự nhiên đã phát triển, cũng như không có lợi cho sự tồn tại và phát triển của con người và xã hội loài người.

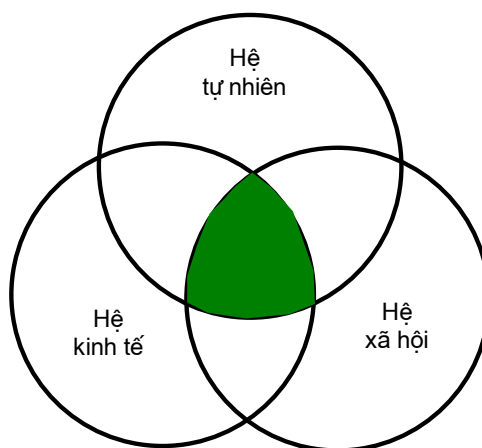
Để thấy rõ hơn, mối quan hệ giữa con người, xã hội của con người và môi trường với tính cách là giới tự nhiên trong sự tồn tại và phát triển của xã hội con người, ta hãy biểu diễn mối quan hệ nhiều chiều, nhiều tầng này qua những sơ đồ sau:



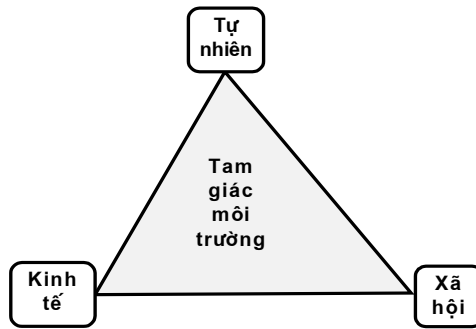
Sơ đồ trên cho ta hiểu rằng, xã hội loài người sinh ra và tồn tại trên hệ tự nhiên và là một bộ phận hữu cơ của hệ thống tự nhiên. Song vì, khi con người bước vào lịch sử của mình, bằng lao động và phương thức sản xuất của mình, *nó đã thiết lập một hệ thống riêng - một hệ thống xã hội nhân văn, vận động theo những quy luật xã hội - nhân văn.* Trong phần giao nhau của sơ đồ trên, hệ thống tự nhiên đã được cải biến trong mối quan hệ với sự tồn tại và phát triển của con người, của xã hội loài người. Vấn đề môi trường và khai thác, sử dụng các nguồn tài nguyên xảy ra tại đây.

Sự phát triển của xã hội loài người là quá trình xác lập và phát triển hệ thống xã hội của mình. Sự phát triển này có xu hướng hình thành và phát triển các lĩnh vực hoạt động đặc thù: a) Hoạt động kinh tế - hình thành nền tảng kinh tế cho sự tồn tại và phát triển xã hội. b) Hoạt động xã hội - là toàn bộ sinh hoạt của con người, vì con người. Đó là tổng thể các quan hệ xã hội của con người. Do có sự tách biệt trong hệ thống xã hội, mô hình trên được diễn tả thành một tổng thể với ba hệ thống:

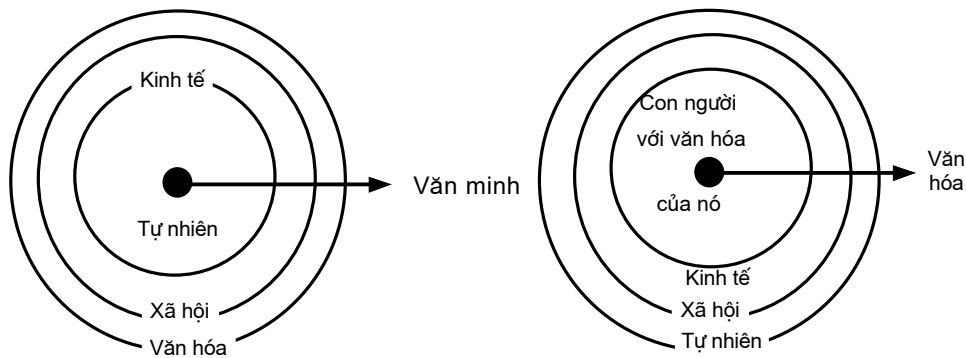
Hệ thống tự nhiên - Hệ thống kinh tế - Hệ thống xã hội.



Từ sơ đồ trên ta có thể chuyển hành một sơ đồ đơn giản hơn: Tam giác môi trường:



Từ tam giác môi trường, ta có thể mô hình hóa thành những vòng tròn đồng tâm để diễn tả mối quan hệ của chúng.



Hai cách diễn tả trên, cách một diễn tả vị trí nền tảng của tự nhiên. Con người, xã hội loài người sinh thành và phát triển trên nền tảng của tự nhiên, là một bộ phận phát triển thêm ra của tự nhiên, song vẫn thuộc tự nhiên. Trong mô hình này, văn hóa là cái bao trùm. Xuyên qua kinh tế, xã hội, văn hóa là cái tối thượng và là cái tổng quát của sự phát triển, chính văn hóa là nền tảng trên đó người ta giải quyết các mối quan hệ, trong đó có quan hệ giữa con người, xã hội loài người và môi trường. Từ đây hình thành nên khái niệm văn hóa môi trường. *Văn hóa môi trường là khái niệm chỉ tổng thể những tri thức, giá trị, chuẩn mực và biểu tượng trong việc khai thác tài nguyên, ứng xử với môi trường của con người, đồng thời là phương thức ứng xử vì mục đích phát triển bền vững của con người.*

Cách biểu đạt thứ hai, là cách xem xét quan hệ giữa con người và tự nhiên, trong đó con người là hạt nhân và là chủ thể, là tác nhân gây biến động môi trường và là người khai thác, sử dụng tài nguyên vì mục đích của nó.

2. Tiến trình phát triển và mối quan hệ giữa xã hội và tự nhiên. Những khả năng xung đột.

Mối quan hệ giữa con người, xã hội với giới tự nhiên, mà ở đây là môi trường, là mối quan hệ trong đó, giới tự nhiên là khách thể trở thành nền tảng, thành một

yếu tố của sự phát triển, còn con người, xã hội đứng đối diện với giới tự nhiên với tính cách là chủ thể tác động vào tự nhiên, khai thác, cải biến giới tự nhiên vì mục tiêu sinh tồn và phát triển của con người và xã hội loài người. Đặc điểm của mối quan hệ này là, xã hội luôn phát triển và cùng với sự phát triển đó, phương thức sản xuất nói riêng, phương thức sinh hoạt của xã hội nói chung luôn được thay đổi.

Nếu gạt bỏ khía cạnh hình thái chính trị của kết cấu xã hội, thì tiến trình của xã hội loài người đã và đang trải qua ba thời đại văn minh: làn sóng nông nghiệp, làn sóng công nghiệp và làn sóng hậu công nghiệp. Tương ứng với ba làn sóng văn minh này là ba hệ kinh tế: kinh tế tự nhiên sinh tồn, tự cung tự cấp; hệ kinh tế thị trường tự do và hệ kinh tế thị trường hiện đại.

Để thấy được tầm quan trọng ngày càng tăng lên của tự nhiên trong quá trình phát triển của xã hội loài người, ta điếm qua tiến trình phát triển của các nền văn minh chủ yếu.

2.1. Xã hội nguyên thủy

Xã hội nguyên thủy được đặc trưng bởi xã hội cộng sản bầy đàn. Công cụ sản xuất thô sơ và nền sản xuất chưa hình thành. Xã hội cộng sản nguyên thủy dựa trên nền kinh tế hái lượm, săn bắn. Với phương thức kinh tế này, con người chưa tách khỏi tự nhiên, họ bị phụ thuộc hoàn toàn vào tự nhiên. Chính điều này khiến cho con người và xã hội loài người thời nguyên thủy tồn tại trong một thể hòa hợp đồng nhất với giới tự nhiên. Cố nhiên với trạng thái đồng nhất này, vấn đề môi trường chưa xuất hiện.

2.2. Làn sóng văn minh nông nghiệp.

Loài người bước vào đời sống kinh tế của mình bằng việc phát minh ra nông nghiệp và bằng nông nghiệp, loài người đã tạo ra nền sản xuất của chính mình. *Làn sóng nông nghiệp là làn sóng của kinh tế sinh học - sinh thái, nền kinh tế dựa trực tiếp vào các nguồn lực tự nhiên, mà trước hết và cơ bản là đất đai và các nguồn giống cây trồng, vật nuôi được thuần dưỡng từ thiên nhiên.*

Tính chất tái sản xuất giản đơn và tính chất nông nghiệp bao trùm của làn sóng văn minh nông nghiệp là những yếu tố khiến cho làn sóng nông nghiệp là làn sóng phát triển trong sự cân bằng và hòa hợp với giới tự nhiên. Do giới hạn tăng trưởng kinh tế, mức tăng dân số và quy mô dân số trong làn sóng nông nghiệp là thấp và nhỏ. Đến lượt mình quy mô dân số nhỏ, mức tăng dân số chậm, khiến cho mức tiêu dùng tài nguyên và mức phát thải những chất thải là thấp.

Từ những đặc trưng trên, ta có những nhận xét về quan hệ giữa con người, xã hội và giới tự nhiên, về môi trường trong làn sóng nông nghiệp như sau: *Thứ nhất*, xã hội của làn sóng nông nghiệp là xã hội nông nghiệp, nông thôn. Toàn bộ sinh hoạt sản xuất và sinh hoạt xã hội là dựa trực tiếp vào tự nhiên, phụ thuộc vào tự nhiên; *thứ hai*, mô phỏng tự nhiên, để sinh tồn và phát triển; *thứ ba*, mặc dù đã xác lập thành xã hội, tức thành dạng vật chất thứ năm, song phương thức tồn tại và phát triển của xã hội là tạo ra một hệ sinh thái mới mang tính nhân tạo, một hệ sinh thái tương đương với hệ

14 Quan hệ giữa xã hội và môi trường trong quá trình phát triển

sinh thái tự nhiên. Ở đây sản xuất nông nghiệp là sự trao đổi lưu thông vật chất giữa con người và tự nhiên, nhưng bằng chính ngay phương thức lưu thông vật chất của tự nhiên, Do đó, những đặc trưng của phương thức tồn tại, phát triển của xã hội trong làn sóng nông nghiệp, ta có thể nói; a) Nền kinh tế của làn sóng nông nghiệp là nền kinh tế sinh thái. Nó tiến triển, tiến hóa trong sự cân bằng và bao dung của giới tự nhiên con người, xã hội hòa hợp với giới tự nhiên; b) Làn sóng nông nghiệp đó đồng thời là làn sóng của kinh tế chậm phát triển.

2.3. Cách mạng công nghiệp và làn sóng văn minh công nghiệp.

Nhân loại chuyển vào thời đại phát triển bằng cuộc cách mạng công nghiệp thiết lập hệ phát triển thị trường - công nghiệp và tạo ra làn sóng công nghiệp.

Cuộc cách mạng công nghiệp là nội dung vật chất của sự thay đổi căn bản phương thức sản xuất, chuyển từ phương thức sản xuất phong kiến nông nghiệp chậm phát triển sang phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa công nghiệp. Phương thức sản xuất này được tạo lập trên hệ kinh tế thị trường với bản chất là sản xuất ra giá trị thặng dư. Đây là một điểm then chốt để hiểu sự thay đổi trong quan hệ giữa con người, xã hội và môi trường, giới tự nhiên trong thời đại của làn sóng công nghiệp và hậu công nghiệp.

Thứ nhất, làn sóng công nghiệp được diễn ra trong hệ kinh tế thị trường và được thúc đẩy bởi các quy luật của kinh tế thị trường. Ở đây quy luật giá trị thặng dư là quy luật kinh tế cơ bản. Dưới sự thúc đẩy của quy luật giá trị thặng dư, sức sản xuất có một sự bành trướng không giới hạn. Đến lượt mình, chính quy luật giá trị thặng dư trở thành động lực mạnh mẽ nhất đối với việc khai thác tài nguyên thiên nhiên.

Thứ hai, kỹ thuật máy móc đã tạo ra cho nền sản xuất xã hội một phương tiện mạnh mẽ nhất để tăng sức sản xuất của lao động lên vượt khỏi những giới hạn tự nhiên của con người. Giữa con người và tự nhiên có một lực lượng sản xuất đồ sộ, và bằng lực lượng sản xuất to lớn này, nhân loại đã mở ra một thời đại công nghiệp - thời đại khai thác đại quy mô giới tự nhiên.

Thứ ba, nếu làn sóng nông nghiệp, con người dùng hệ sinh thái và quy luật sinh học để sản xuất ra các giá trị sử dụng chủ yếu để duy trì cuộc sống của mình, thì làn sóng công nghiệp lại tạo ra bộ máy công nghiệp khai thác và chế biến các vật chất tự nhiên thành những hàng hóa trong quá trình theo đuổi giá trị thặng dư. Đây là một điểm khác biệt căn bản giữa làn sóng nông nghiệp và làn sóng công nghiệp trong mối quan hệ giữa con người với tự nhiên. Một nền công nghiệp phát triển và hùng mạnh được đo bằng lượng máy móc, điện, than, sắt, xi măng, sản xuất ra trong một năm và mức sản xuất, thực ra là mức khai thác tài nguyên tính trên đầu người. Hàm sản xuất của làn sóng công nghiệp được đặc trưng bởi hai biến chủ yếu: kỹ thuật máy móc và nguyên liệu thô có nguồn gốc từ tài nguyên thiên nhiên, do vậy, *nền kinh tế là bộ máy công nghiệp chế biến tài nguyên, và nền kinh tế của làn sóng công nghiệp là nền kinh tế tài nguyên.*

Thứ tư, cùng với quá trình công nghiệp hóa nền kinh tế là quá trình đô thị hóa phát triển mạnh, hình thành những trung tâm dân cư rộng lớn, từ đây hình thành văn minh đô thị công nghiệp hóa - một kiểu tổ chức xã hội và một không gian, một lối sống công nghiệp đô thị mới được xác lập khác hẳn với tổ chức xã hội trong làn sóng nông nghiệp.

Thứ năm, cùng với quá trình công nghiệp hóa và đô thị hóa là quá trình tăng cường mạnh mẽ, mức phát thải công nghiệp và rác thải tăng lên một cách đáng kể.

Có thể nói, cách mạng công nghiệp và làn sóng công nghiệp đã tạo ra một quan hệ mới giữa con người và giới tự nhiên. Mối quan hệ này đã phá vỡ sự hòa hợp giữa người, xã hội và giới tự nhiên. Tài nguyên thiên nhiên trở thành mục tiêu tấn công của bộ máy công nghiệp. Cùng với quá trình công nghiệp khai thác, chế biến tài nguyên thiên nhiên, bộ máy công nghiệp và xã hội công nghiệp đã đụng chạm đến tất cả các chức năng của môi trường. Không chỉ tài nguyên thiên nhiên bị khai thác và dẫn đến cạn kiệt, bị suy thoái, mà cả sinh quyển, sinh thái, không gian sống và nơi chứa phế thải cũng bắt đầu bị tổn thương.

2.4. Kinh tế thị trường hiện đại, cách mạng khoa học công nghệ và toàn cầu hóa- Làn sóng hậu công nghiệp. Sự phát triển hiện đại.

Làn sóng công nghiệp không chỉ dừng ở cuộc cách mạng công nghiệp, trong tiến trình kinh tế thị trường - công nghiệp, quy luật giá trị thặng dư và quy luật tích lũy tư bản, đã đặt kỹ thuật sản xuất tồn tại trong một tiến trình đổi mới, tiến bộ phát triển không ngừng.

Đến lượt mình, sự phát triển của kỹ thuật đã đặt ra yêu cầu cấp thiết đối với sự phát triển khoa học. Mặt khác, chính sự tiến bộ của kỹ thuật và của sự phát triển kinh tế đã tạo ra cơ sở kinh tế và kỹ thuật chắc chắn cho khoa học phát triển. Vào giữa thế kỷ XX, một cuộc đại cách mạng trong lực lượng sản xuất của xã hội đã xảy ra. Đó là cách mạng khoa học - công nghệ. Gọi là cách mạng khoa học - công nghệ vì ở đây diễn ra hai cuộc cách mạng nằm trong một tiến trình chung của cuộc cách mạng lực lượng sản xuất. Cuộc cách mạng này đã đem lại một cơ sở mới cho con người giải quyết mối quan hệ giữa con người và thiên nhiên. Nó không chỉ là những nhận thức chung về thế giới, mà nó đi sâu vào những nhận thức mới về quy luật vận động của thế giới vật chất, một bức tranh mới về thế giới vật chất được hình thành. Những khám phá khoa học về thế giới vật chất đã trực tiếp dẫn tới một cuộc cách mạng trong công nghệ sản xuất. Trong khoa học xã hội - nhân văn cũng có một bước tiến đặc biệt. Đặc biệt là kinh tế học. Nếu trong làn sóng công nghiệp, kinh tế học mới chỉ là sự mô tả và cắt nghĩa về các quá trình kinh tế, thì giờ đây khoa học kinh tế đã trở thành cơ sở và công cụ để con người điều tiết các quá trình kinh tế. Nhờ sự điều tiết này, xã hội đã thúc đẩy nền kinh tế phát triển một cách có hiệu quả hơn, với một năng suất cao hơn. Công nghệ điện tử, công nghệ di truyền là trọng tâm và đột phá của cuộc cách mạng khoa học - công nghệ. Với công nghệ này đã mở ra một thời đại mới - làn sóng hậu công nghiệp, làn sóng của khoa học - công nghệ.

Cuộc cách mạng khoa học - công nghệ đã làm thay đổi phương thức sản xuất,

do đó thay đổi quan hệ giữa người và tự nhiên theo hướng tái lập sự hòa hợp, sự cân bằng giữa con người và tự nhiên.

Trong những năm qua, cách mạng khoa học - công nghệ đã đẩy nền kinh tế của thế giới vào một thời đại mới: thời đại phát triển hiện đại. Thời đại phát triển hiện đại được tạo lập trên ba cơ sở: *một là*, cách mạng khoa học - công nghệ; *hai là*, kinh tế thị trường hiện đại và *ba là*, toàn cầu hóa. Kinh tế thị trường hiện đại là một hệ thống kinh tế mới, trong đó nền kinh tế trở thành kinh tế vĩ mô, với các quy luật vi mô làm nền tảng. Trong kinh tế thị trường hiện đại, nhà nước không đơn thuần là một bộ máy hành chính, một bộ máy chính trị. Nó trở thành một nhân tố quyết định của sự phát triển với chức năng mới - chức năng phát triển. Với vai trò này nhà nước có ý nghĩa đặc biệt đối với việc giải quyết vấn đề môi trường.

Toàn cầu hóa là xu thế cấu thành đặc trưng của thời đại phát triển hiện đại. Toàn cầu hóa được thúc đẩy bởi lực lượng sản xuất to lớn và thể hiện một trình độ phát triển cao của xã hội hóa. Nó chứng tỏ hai điểm: *một là*, thế giới đã đi tới một hệ thống phát triển chung và *hai là*, mọi khu vực, hay toàn bộ thế giới đang được đặt trong sự tác động, khai thác và kiểm soát của hệ thống phát triển chung của nhân loại. Toàn cầu hóa, cũng tức là, con người đã mở rộng phạm vi tác động, khai thác và kiểm soát của mình trên toàn hệ môi trường của trái đất.

Cách mạng khoa học - công nghệ, hệ kinh tế thị trường hiện đại và toàn cầu hóa tạo thành làn sóng hậu công nghiệp, hay làn sóng phát triển hiện đại, trong đó thế giới đang vận động theo một trật tự mới. Trong trật tự đó, con người đã tạo ra một phương thức sản xuất hoàn toàn khác và xã hội được tổ chức trong một hệ thống cũng hoàn toàn khác. Đến lượt mình, chính phương thức sản xuất, trật tự xã hội mới tạo ra khả năng mới cho xã hội loài người, kiểm soát và quản lý chính ngay sự phát triển của mình, trong đó có nội dung quan trọng là quản lý, kiểm soát sự xung đột môi trường trong quá trình phát triển.

3. Phát triển bền vững - yêu cầu tất yếu của việc tái lập sự cân bằng giữa con người, xã hội, và môi trường.

Như đã nói, sự phát triển của làn sóng công nghiệp trong khi đẩy mạnh sức sản xuất, thì đồng thời nó tấn công ngay vào nền tảng của sự phát triển lâu dài, là môi trường. Có thể nói khủng hoảng của môi trường là khủng hoảng của sự phát triển. Mà đã là khủng hoảng của sự phát triển thì vấn đề, một mặt, không phải chúng sẽ xảy ra ở tương lai, ở những thế hệ mai sau, mà ở ngay thời điểm đang diễn ra sự phát triển của loài người và mặt khác giải quyết vấn đề khủng hoảng môi trường ngay trong phát triển ở trong phương thức sản xuất. Bởi vậy, đứng ở khía cạnh phát triển và ở mối quan hệ giữa con người, xã hội và giới tự nhiên mà xem xét thì *sự phát triển bền vững là quá trình tái sản xuất mở rộng không ngừng nền kinh tế, xã hội trên cơ sở một phương thức sản xuất hiện đại trong khi đáp ứng được yêu cầu tăng trưởng, phát triển kinh tế xã hội hiện đại đồng thời bảo vệ được môi trường nhằm duy trì mối quan hệ cân bằng hài hòa giữa con người và giới tự nhiên duy trì nền tảng của sự phát triển lâu dài.* Định nghĩa này có hai khía cạnh

chủ yếu: *Một là*, tái sản xuất mở rộng không ngừng nền kinh tế là một tất yếu của thời đại phát triển. Đây là điều bất khả kháng, là một quy luật nội tại của sự tồn tại phát triển của xã hội loài người: *Hai là*, đặt sự phát triển đó trong khuôn khổ của sức chịu đựng, hay giới hạn của giới tự nhiên bao quanh, làm nền tảng của sự phát triển, tức môi trường: Điều này đòi hỏi sự phát triển phải tính đến những chức năng và giới hạn của môi trường. Sự phát triển bền vững giờ đây đòi hỏi phải đặt môi trường thành một biến số trong hàm sản xuất. Hàm sản xuất trước đây $Q = F(A.K.L.H\dots)$ thì nay, hàm sản xuất $Q = F(EAK.L.H\dots)$ trong đó Q là sản lượng, E là môi trường, A là hệ kinh tế, xã hội, K là tư bản, L là lao động, H là vốn con người, công nghệ. Sử dụng nguồn tài nguyên thiên nhiên hợp lý, bảo vệ môi trường nhằm duy trì mối quan hệ cân bằng, hài hòa giữa con người, xã hội và giới tự nhiên chính là bảo tồn nền tảng vĩnh cửu của sự tồn tại và phát triển của loài người.

Thế giới đã đưa ra nhiều mô hình phát triển bền vững, chẳng hạn mô hình của Jacobs và Sadler, của WCED (Hội đồng về môi trường và phát triển bền vững thế giới), của Willen, và của Ngân hàng Thế giới. Những mô hình này chủ yếu nhấn mạnh mục tiêu hài hòa của ba hệ thống tự nhiên, kinh tế và xã hội, hoặc nếu có đề cập đến phương thức đạt tới mục tiêu phát triển bền vững thì cũng chỉ nhấn mạnh vào mô hình sinh thái. Bản chất và nội dung phát triển bền vững mà chúng tôi đưa ra ở đây là trên nền tảng của phát triển hiện đại, một sự phát triển bất khả kháng, đồng thời, sự phát triển bền vững đó không chỉ là yêu cầu, mục tiêu mà đời sống hiện đại đòi hỏi, điều quyết định mà chúng tôi muốn nhấn mạnh là con đường nào để đạt tới những mục tiêu và giải quyết những nhu cầu cân bằng, hòa hợp giữa con người, xã hội và giới tự nhiên. Con đường này tất yếu là nằm ngay trong tiến trình phát triển hiện đại. Chính sự phát triển hiện đại cung cấp phương thức và những cơ sở để thực hiện sự phát triển bền vững, có điều nhân loại phải nhận thức và tự tổ chức thành một xã hội với văn hóa môi trường trong mối quan hệ với việc giải quyết môi trường ở cấp vĩ mô, trong cộng đồng, trong quốc gia cho tới phạm vi toàn cầu.

Như ở phần I đã nói, quan hệ giữa con người, xã hội và tự nhiên là một mối quan hệ đa chiều của ba hệ thống: hệ tự nhiên, hệ kinh tế và hệ xã hội. Cái bao trùm là mối quan hệ môi trường và nhân văn. Môi trường và tổ chức xã hội, môi trường và văn hóa. Bởi vậy, để thực hiện phát triển bền vững không chỉ tiến tới một phương thức sản xuất tương thích với môi trường và yêu cầu của sự phát triển hiện đại, mà còn đòi hỏi một cuộc chuyển đổi cơ bản trong tổ chức xã hội và trong nền văn hóa, hình thành một nền văn hóa môi trường.

Môi trường cần phải trở thành vấn đề cơ bản và thiết thực của sự phát triển và của đời sống thường nhật của từng người, của mọi người và của toàn xã hội và của toàn nhân loại.

Sự phát triển bền vững sẽ được thiết lập trên cơ sở thiết lập một phương thức sản xuất hiện đại và một nền văn hóa môi trường hiện đại.

4. Những vấn đề xã hội - nhân văn của việc khai thác sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên và bảo vệ môi trường ở Việt Nam.

Nước ta sau hơn một thập kỷ đổi mới nền kinh tế đang trong quá trình xác lập hệ kinh tế thị trường và đẩy mạnh công nghiệp hóa. Có thể nói đó là xã hội đang phát triển, chuyển từ xã hội nông nghiệp sang xã hội công nghiệp. Mặt khác, sự phát triển của Việt Nam diễn ra trong một thế giới đang diễn ra quá trình toàn cầu hóa, bởi vậy, tiến trình kinh tế Việt Nam đang trong quá trình mở cửa và hội nhập vào tiến trình phát triển hiện đại của thế giới. Như vậy, xã hội Việt Nam đang trong quá trình chuyển đổi sâu sắc về phương thức sản xuất và sự chuyển đổi này được thúc đẩy bởi hệ kinh tế thị trường - công nghiệp và quá trình phát triển hiện đại của thế giới. Có thể nói, cả ba làn sóng đang hội tụ tại Việt Nam: làn sóng nông nghiệp, làn sóng công nghiệp và làn sóng hậu công nghiệp, hay làn sóng phát triển hiện đại. Sự hội tụ này thể hiện đặc trưng và chứa đựng những quy luật phát triển đặc thù của Việt Nam. Ở Việt Nam môi trường bị tác động bởi sự phát triển hiện đại, đồng thời những diễn biến môi trường sẽ chịu sự tác động của bộ máy công nghiệp đang trong quá trình hình thành và cả trạng thái lạc hậu và đang trong quá trình suy tàn của làn sóng nông nghiệp. Mặt khác, cùng với sự chuyển đổi mang tính rút ngắn của sự phát triển hiện đại, là sự thay đổi nhanh chóng trong các quan hệ xã hội và nền văn hóa dân tộc. Sự thay đổi này, đến lượt mình có ảnh hưởng đến quan hệ giữa con người, xã hội và giới tự nhiên, do vậy sẽ có những tác động mạnh mẽ đến môi trường.

Ở Việt Nam, môi trường đã trở thành một vấn đề được nhà nước đưa vào chương trình nghị sự. Năm 1991, chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng đã ký quyết định số 187/CT thông qua kế hoạch quốc gia về môi trường và phát triển bền vững. Kế hoạch này được Ủy ban Khoa học nhà nước (nay là Bộ Khoa học Công nghệ và Môi trường) tổ chức triển khai. Có thể nói, vấn đề môi trường đã trở thành vấn đề cấp bách cần phải giải quyết trong quá trình phát triển.

Tính cấp bách về môi trường ở Việt Nam giờ đây được thể hiện ở những điểm sau:

1. *Suy thoái và ô nhiễm đất:* Đã có hơn 13 triệu ha đất bị suy thoái trong đó khoảng 1,2 ha là đất bị xói mòn trơ sỏi đá, không có khả năng đưa vào sản xuất nông nghiệp. Ngoài ra do sử dụng không hợp lý, nhiều đất bị rửa trôi, xói mòn, bị chua mặn và bị bạc màu do sử dụng phân hóa học không hợp lý; đất gần khu công nghiệp bị nhiễm bẩn, nhiễm chất độc hại. Một số vùng do khô hạn đất bị hoang mạc hóa, một số vùng bị sụt lở nghiêm trọng.

2. *Suy thoái rừng,* trong 50 năm qua rừng đã mất đi gần 6 triệu ha trong số 8,6 triệu ha làm cho tỷ lệ che phủ chỉ còn khoảng 26,5%. Có những vùng rừng núi như Sơn La, độ che phủ chỉ còn 9,8%.

3. *Suy thoái tài nguyên, mặt nước.* Nạn phá rừng, nước thải công nghiệp, nông nghiệp, sinh hoạt làm cho tài nguyên nước bị ô nhiễm, đồng thời do khai thác quá mức, khai thác với kỹ thuật thô sơ và bữa bãi nên các nguồn nước ngầm bị cạn kiệt và suy thoái.

4. *Suy thoái ô nhiễm không khí, môi trường biển.* Do phát triển công nghiệp, mức phát thải tăng lên khiến cho không khí của các khu vực công nghiệp, đô thị bước đầu bị ô nhiễm. Việt Nam có một vùng biển rộng lớn, và chiều dài bờ biển dài 3.300 km, là một vùng cho nhiều tiềm năng cho phát triển kinh tế xã hội, đặc biệt là trong điều kiện thị trường mở cửa. Tuy nhiên, nước ven bờ biển của nước ta hiện nay đã bắt đầu suy giảm chất lượng. Hàm lượng Cu, P, Cd ven bờ đã vượt và đến 4,2 lần tiêu chuẩn cho phép. Hàm lượng dầu ở bờ biển Hải Phòng cao hơn 10 lần tiêu chuẩn cho phép.

5. *Suy thoái đa dạng sinh học:* Do sự phá hủy môi trường rừng, biển, ven biển làm thu hẹp nơi cư trú của nhiều loại động vật hoang dã, nhiều loài bị tuyệt chủng, hoặc có nguy cơ bị tuyệt chủng, việc săn bắn bừa bãi, buôn bán thú rừng, đã trực tiếp gây suy giảm về số lượng và giống loài quý hiếm.

6. *Suy thoái và ô nhiễm môi trường công nghiệp, đô thị và môi trường nông nghiệp nông thôn.* Do dân số tăng nhanh, diện tích gieo trồng đang trên đà sụt giảm, không gian sống chật chội và việc canh tác không hợp lý, nhất là tăng quá đáng quy trình hóa học đã tăng nhiễm bản môi trường sản xuất nông nghiệp, và sinh hoạt khu vực nông thôn. Ở các khu công nghiệp, do tốc độ đô thị hóa tăng nhanh, dân số tăng nhanh kèm theo đó là mức tiêu dùng trong sinh hoạt công cộng tăng, trong khi đó diện tích cây xanh giảm, hạ tầng và dịch vụ vệ sinh công cộng phát triển không thích ứng vì thế môi trường sống bị suy giảm đáng kể.

Trước vấn đề môi trường đặt ra ngày một cấp bách, điều quyết định không chỉ dừng ở việc nhận thức về tính nghiêm trọng của sự suy giảm môi trường cũng như những tác hại của nó đến cuộc sống và sự phát triển. Điều quyết định là tìm ra con đường và những giải pháp thích hợp để đi tới một sự phát triển bền vững, tạo ra sự phát triển trong sự cân bằng, hài hòa với giới tự nhiên, duy trì, tái tạo thường xuyên môi trường tốt cho cuộc sống và cho sự phát triển lâu dài.

Quá trình chung của việc bảo vệ môi trường có một nội dung phức tạp gồm ba loại vấn đề.

Vấn đề thứ nhất là xác lập phương thức sản xuất hiện đại làm thay đổi mối quan hệ giữa con người và tự nhiên. Vấn đề thứ hai là cơ cấu lại thế giới thành một liên minh có đủ năng lực giải quyết vấn đề môi trường có tính toàn cầu. Vấn đề thứ ba là những vấn đề xã hội liên quan đến việc xác lập hệ văn hóa môi trường làm hậu thuẫn cho việc bảo vệ bền vững môi trường. Vấn đề thứ nhất liên quan đến cách mạng khoa học - công nghệ, đến hệ kinh tế phát triển hiện đại. Loại vấn đề thứ hai thuộc những vấn đề vĩ mô toàn cầu. Còn vấn đề thứ ba là những vấn đề xã hội nhân văn của việc bảo vệ môi trường. Sự thành công của việc bảo vệ môi trường là sự thống nhất của cả ba loại vấn đề trong một quá trình chung. Trong đó vấn đề xã hội nhân văn giữ một vai trò hết sức trọng yếu.